

Số: /QĐ-TCLN-KHTC

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành lâm nghiệp theo chuỗi
và nâng cao giá trị gia tăng giai đoạn 2021-2025**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 28/2017/QĐ-TTg ngày 03/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Lâm nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025; Văn bản số 3629/BNN-KH ngày 15/6/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phân công triển khai Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cơ cấu lại ngành lâm nghiệp theo chuỗi và nâng cao giá trị gia tăng giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Tổng cục; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính; Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Tổng cục Lâm nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thứ trưởng Lê Quốc Doanh (để báo cáo);
- Các Vụ: Kế hoạch; Tài chính; KHCN và MT (để p/h);
- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;
- Sở NN và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, KHTC.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Quốc Trị

KẾ HOẠCH

Cơ cấu lại ngành lâm nghiệp theo chuỗi và nâng cao giá trị gia tăng giai đoạn 2021 - 2025

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TCLN-KHTC ngày tháng năm
của Tổng cục Lâm nghiệp)*

Triển khai Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 3458/QĐ-BNN-TCLN ngày 03/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, Tổng cục Lâm nghiệp ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành lâm nghiệp theo chuỗi và nâng cao giá trị gia tăng giai đoạn 2021-2025 với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục triển khai thực hiện cơ cấu lại ngành lâm nghiệp theo chuỗi và nâng cao giá trị gia tăng ngành lâm nghiệp, huy động tối đa các nguồn lực xã hội; ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại; phát huy tối đa các tiềm năng, vai trò và tác dụng của rừng, phát triển bền vững ngành lâm nghiệp; đóng góp ngày càng tăng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó chủ động và hiệu quả với biến đổi khí hậu, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, cung cấp đa dạng các dịch vụ hệ sinh thái rừng, góp phần xóa đói giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người dân nông thôn miền núi, dân tộc thiểu số, giữ vững quốc phòng, an ninh và thực hiện thành công các mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp từ 5,0% đến 5,5%/năm;
- Giá trị xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản ngoài gỗ đạt 18 - 20 tỷ USD; tiêu thụ lâm sản thị trường trong nước đạt 5 tỷ USD vào năm 2025;
- Nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng; sản lượng gỗ khai thác từ rừng

trồng tập trung đạt 35 triệu m³/năm vào năm 2025; đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho chế biến gỗ và lâm sản; chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt trên 0,5 triệu ha giai đoạn 2021 - 2025.

- Phát triển dịch vụ hệ sinh thái, dịch vụ môi trường rừng, đa dạng hóa và mở rộng các nguồn thu; tổng thu tiền DVMTR hằng năm tăng 5%.

- Tỷ lệ lao động làm việc trong lâm nghiệp được đào tạo nghề khoảng 45% vào 2025; mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số làm lâm nghiệp tăng trên 2 lần so với năm 2020.

- Nâng cao chất lượng rừng nhiên, hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học và năng lực phòng hộ của rừng; Tỷ lệ che phủ rừng được duy trì ổn định ở mức 42%.

II. ĐỊNH HƯỚNG CƠ CẤU LẠI NGÀNH LÂM NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Cơ cấu theo nhóm sản phẩm chủ lực

1.1. Sản phẩm chủ lực quốc gia

Tập trung đầu tư, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, gắn với công nghiệp chế biến nông sản theo hình thức liên kết chuỗi giá trị bền vững. Ưu tiên nguồn lực đầu tư để thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng các chuỗi giá trị gắn với hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và phát triển thương hiệu quốc gia. Tăng cường liên kết vùng, liên kết ngành để đầu tư phát triển các sản phẩm chủ lực quốc gia; đẩy mạnh hợp tác quốc tế và các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường nhằm tháo gỡ các rào cản thương mại, thúc đẩy xuất khẩu.

a) Gỗ, sản phẩm từ gỗ: Tập trung nâng cao năng suất, chất lượng rừng; phát triển rừng gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ, đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ và thị trường lâm sản; sản lượng nguyên liệu gỗ khai thác đạt khoảng 45 triệu m³ (trong đó, khai thác gỗ rừng trồng tập trung đạt 35 triệu m³). Phát triển các khu công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản công nghệ cao gắn với các vùng trồng rừng tập trung; tăng tỷ trọng các sản phẩm chế biến sâu; tập trung phát triển các mặt hàng sản phẩm có ưu thế cạnh tranh cao và bền vững.

b) Lâm sản ngoài gỗ: Phát triển lâm sản ngoài gỗ, đẩy mạnh gây trồng, sử dụng, chế biến sâu các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ, tập trung vào các nhóm sản phẩm có thể mạnh, có giá trị kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế của các vùng, miền như: mây tre, dược liệu, dầu nhựa, thực phẩm, các chế phẩm hữu cơ. Có cơ chế, chính sách để chủ rừng được quản lý, khai thác, phát triển và sử dụng bền vững, lâm sản ngoài gỗ.

c) Phát huy tối đa các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu, tái đầu tư cho phát triển lâm nghiệp; đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, đa dạng hóa và mở rộng các nguồn thu; triển khai hiệu quả dịch vụ lưu giữ và hấp thụ CO₂, tổng thu tiền DVMTR hằng năm tăng 5%.

1.2. Sản phẩm chủ lực cấp tỉnh; đặc sản địa phương

Các địa phương căn cứ lợi thế, điều kiện cụ thể và nhu cầu thị trường, có cơ chế chính sách và ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển các sản phẩm lâm nghiệp chủ lực cấp tỉnh, đặc biệt là các sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ; đảm bảo sản phẩm có chất lượng, giá trị cao; có chỉ dẫn địa lý, truy suất nguồn gốc rõ ràng; tăng cường liên kết tạo vùng sản xuất tập trung, gắn với chế biến sản phẩm chất lượng cao, đảm bảo thị trường ổn định, áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, quản lý và thương mại sản phẩm.

2. Cơ cấu lại sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi và nâng cao giá trị gia tăng

Thúc đẩy, triển khai các hoạt động cơ cấu lại sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi và nâng cao giá trị gia tăng của ngành, trong đó tập trung triển khai các nhiệm vụ:

2.1. Phát triển và nâng cao năng suất, chất lượng rừng

Đẩy mạnh nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp, năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu sâu bệnh hại, thích ứng với điều kiện bất lợi của môi trường, ưu tiên phát triển giống được sản xuất từ cây mô, hom dể trồng rừng sản xuất; phấn đấu ít nhất 90% diện tích rừng được trồng từ giống cây lâm nghiệp đã được công nhận; năng suất rừng trồng thâm canh giống mới trung bình 20 m³/ha/năm vào năm 2025.

Phát triển vùng rừng trồng cung cấp nguyên liệu tập trung, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng kinh doanh gỗ nhỏ sang gỗ lớn; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư vào phát triển rừng thông qua các cơ chế, chính sách khuyến khích về đất đai, tín dụng, bảo hiểm, thuế, thị trường.

Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng sản xuất theo hướng tối ưu hóa hệ thống sản xuất và chuỗi giá trị lâm sản thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ. Diện tích rừng gỗ lớn đạt khoảng 30% tổng diện tích rừng trồng mới.

Phục hồi rừng tự nhiên, bằng các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, nuôi dưỡng và làm giàu rừng; phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ theo hướng sản xuất hàng hóa.

2.2. Nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm lâm nghiệp qua chế biến

Tổ chức triển khai hiệu quả, gắn kết triển khai các nhiệm vụ Phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021-2030; tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm lâm nghiệp chủ lực chất lượng cao, có thương hiệu, có giá trị, có lợi thế cạnh tranh cao và tham gia sâu rộng trong chuỗi giá trị toàn cầu, trong đó:

a) Đảm bảo nguyên liệu phục vụ chế biến

Tiếp tục thực hiện chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên, không khai thác gỗ từ rừng tự nhiên; có cơ chế, chính sách để hạn chế khai thác sử dụng gỗ non từ rừng trồng còn ít tuổi, đang trong thời kỳ sinh trưởng mạnh, khuyến khích trồng rừng gỗ lớn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng tập trung đạt 35 triệu m³/năm vào năm 2025; sử dụng hiệu quả nguồn gỗ cây cao su, cây phân tán, cây đặc sản; đáp ứng tối thiểu 80% nhu cầu nguyên liệu cho chế biến gỗ và lâm sản.

Thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng, giai đoạn 2021-2025 đạt trên 0,5 triệu ha. Đẩy mạnh gây trồng, sử dụng lâm sản ngoài gỗ, tập trung vào các nhóm sản phẩm có thể mạnh, có giá trị kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế của các vùng, miền như: mây tre, dược liệu, dầu nhựa, thực phẩm, các chế phẩm hữu cơ.

Tổ chức tốt việc nhập khẩu nguyên liệu gỗ, lâm sản, hạn chế nhập khẩu sản phẩm đồ gỗ nội thất mà trong nước có thể sản xuất được, đồng thời tăng cường khai thác, chủ động nguồn nguyên liệu trong nước, giảm tối đa sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu.

b) Nâng cao giá trị sản phẩm qua chế biến

Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản gắn với quá trình cơ cấu lại ngành lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế; phát triển các khu công nghiệp chế biến lâm sản công nghệ cao, các cụm công nghiệp ngành gỗ và chế biến lâm sản tại những nơi có khả năng cung cấp đủ nguyên liệu, ổn định, giao thông thuận lợi, kết cấu hạ tầng đồng bộ đảm bảo cạnh tranh được trên thị trường khu vực và quốc tế; phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ như: thiết bị chế biến gỗ, keo, sơn phủ bề mặt, phụ kiện,....

Tăng tỷ trọng các sản phẩm chế biến sâu. Tập trung phát triển các mặt hàng sản phẩm có ưu thế cạnh tranh cao, nhu cầu sử dụng cao, tương đối ổn định trên thị trường trong và ngoài nước như: đồ gỗ nội thất, đồ gỗ ngoài trời, đồ mộc mỹ nghệ và sản phẩm tinh chế từ lâm sản ngoài gỗ; ván nhân tạo, giảm dần chế biến dăm gỗ xuất khẩu.

Ứng dụng công nghệ hiện đại, thông minh, hiệu quả, an toàn, ít phát thải và bền vững trong đầu tư phát triển công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản.

Khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng rừng bền vững, chế biến sâu các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ bằng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường.

2.3. Phát triển liên kết, thị trường sản phẩm lâm nghiệp

a) Phát triển hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm trong lâm nghiệp

Phát triển kinh tế lâm nghiệp theo chuỗi; phát triển đồng bộ các khâu của chuỗi giá trị lâm sản từ sản xuất, khai thác, chế biến đến tiêu thụ phù hợp với quy mô, trình độ sản xuất và đặc điểm, lợi thế của từng ngành hàng, từng vùng; gắn với phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung.

Phát triển các hình thức liên kết giữa các thành phần kinh tế, kinh tế hợp tác, kinh tế chia sẻ trong lâm nghiệp, tăng cường phát triển hợp tác phát triển lâm nghiệp giữa doanh nghiệp và người trồng rừng; kết nối các hội, hiệp hội ngành hàng, nhà quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp, hợp tác xã và người làm nghề rừng; phát triển sản xuất kinh doanh đa dạng, gắn trồng rừng với công nghiệp chế biến và thương mại lâm sản theo chuỗi giá trị.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty lâm nghiệp; phát triển lâm nghiệp hộ gia đình, trang trại, cộng đồng thôn bản và hợp tác xã; chuyển đổi cơ cấu cây trồng; phát triển nông lâm kết hợp.

b) Phát triển thị trường chế biến gỗ và lâm sản

Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030 theo Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 05/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm chế biến cho phù hợp nhu cầu thị trường trong và ngoài nước; phát triển các hình thức thương mại hiện đại, ứng dụng triệt để các giải pháp công nghệ để phát triển thương mại điện tử cùng với xây dựng thương hiệu gỗ Việt và sử dụng nguồn gỗ hợp pháp, được cấp chứng chỉ quản lý chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) cho các mặt hàng xuất khẩu. Mở rộng thị trường để đảm bảo phát triển ổn định, bền vững; tháo gỡ các khó khăn, rào cản kỹ thuật, thương mại, phòng chống gian lận thương mại cho xuất khẩu sản phẩm gỗ Việt.

Nghiên cứu định hướng sản xuất, xuất khẩu sản phẩm gỗ vào thị trường chủ lực, mở rộng thị trường xuất khẩu tiềm năng; nghiên cứu thúc đẩy, phát triển thị trường tiêu dùng sản phẩm gỗ trong nước phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

Xây dựng Nhãn hiệu Gỗ Việt, xây dựng, phát triển Thương hiệu quốc gia Gỗ Việt đối với các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ, quảng bá thương hiệu tại thị trường trong nước và quốc tế.

2.4. Phát triển, nâng cao dịch vụ lâm nghiệp

Phát huy tối đa các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu, tái đầu tư cho phát triển lâm nghiệp; đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái; tổng thu tiền DVMTR hàng năm tăng 5%.

Tiếp tục triển khai hiệu quả dịch vụ môi trường rừng hiện nay; nghiên cứu đề xuất nâng cao giá trị dịch vụ trên cơ sở tương ứng với giá trị thực mà rừng cung cấp; rà soát, bổ sung đối tượng chi trả, mở rộng đối tượng thu tiền dịch vụ môi trường theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

Tổ chức mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh sử dụng các loại hình DVMTR đang thực hiện như dịch vụ kinh doanh du lịch sinh thái; cho thuê môi trường rừng để kinh doanh, nuôi trồng, phát triển dược liệu,...

Triển khai dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí

nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững theo 2 hướng: Dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh gây phát thải khí nhà kính lớn và bán tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới.

Tăng cường năng lực, triển khai hiệu quả, nâng cao chất lượng các dịch vụ lâm nghiệp.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế chính sách, huy động nguồn lực

Tiếp tục triển khai hiệu quả Luật Lâm nghiệp; các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp; rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách lâm nghiệp trên cơ sở Luật Lâm nghiệp, đảm bảo hài hòa với pháp luật liên quan khác.

Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách ngành lâm nghiệp; rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách hiện hành hoặc xây dựng chính sách mới.

Tổ chức triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; các Đề án, dự án trọng điểm của ngành, lồng ghép, thúc đẩy triển khai thực hiện kế hoạch cơ cấu lại ngành lâm nghiệp.

Nghiên cứu, xây dựng chính sách thúc đẩy xã hội hóa nghề rừng, thu hút đầu tư vào lâm nghiệp, quản lý rừng tự nhiên, phát triển lâm nghiệp cộng đồng, dịch vụ môi trường rừng; chính sách định giá rừng, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công đối với các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; chính sách khuyến khích đổi mới, sáng tạo và ứng dụng khoa học công nghệ, chế biến sâu, phát triển sản phẩm, thương hiệu và thị trường,...; nghiên cứu các cơ chế đầu tư, hỗ trợ đầu tư, khuyến khích các thành phần tham gia thực hiện bảo vệ và phát triển rừng.

Thực hiện thí điểm các mô hình sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi; các mô hình bảo hiểm trong lâm nghiệp, bảo hiểm rừng trồng để làm cơ sở tổng kết, đánh giá, xây dựng mới các cơ chế, chính sách về lâm nghiệp.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và các doanh nghiệp về các giá trị kinh tế, xã hội, môi trường, bảo vệ quốc phòng, an ninh của rừng; vai trò, tầm quan trọng của rừng đối với bảo tồn đa dạng sinh học, giá trị cung ứng dịch vụ môi trường rừng, tăng trưởng xanh và sự phát triển bền vững của đất nước. Tăng cường truyền thông với nội dung phong phú và hình thức đa dạng, phát huy truyền thông hiện đại và mạng xã hội tạo sự thay đổi về nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng; chú ý yếu tố văn hóa, dân tộc thiểu số trong công tác tuyên truyền; nâng cao nhận thức của chính quyền các cấp, đặc biệt là chính quyền cơ sở và các ngành về trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng; tuân thủ các quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn, cam kết về bảo vệ rừng và phát triển lâm nghiệp.

Tăng cường giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao ý thức bảo vệ rừng của người dân; vận động các hộ gia đình sống trong và gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng; xây dựng và thực hiện các quy ước bảo vệ rừng; thay đổi nhận thức, tập quán kinh doanh, sản xuất lâm nghiệp quảng canh sang thâm canh; phát triển nông lâm kết hợp, kết hợp sản xuất gỗ nhỏ và gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ môi trường rừng.

3. Phát triển, nâng cao trình độ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ và khuyến lâm

Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiên bộ, khoa học công nghệ, công nghệ thông tin trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị ngành lâm nghiệp, nhất là khâu chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp mới có năng suất cao, thâm canh rừng, khai thác, vận chuyển và chế biến lâm sản.

Xây dựng, hoàn thiện định mức kinh tế, kỹ thuật trong lâm nghiệp; xây dựng hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia về lâm nghiệp, quản lý rừng bền vững, chuỗi giá trị lâm sản, các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ, đáp ứng yêu cầu phát triển lâm nghiệp bền vững; thương mại lâm sản và các cam kết quốc tế.

Thúc đẩy hiện đại hóa công nghiệp chế biến lâm sản, khuyến khích áp dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, chế biến sâu, tiết kiệm nguyên liệu; khuyến khích phát triển các vật liệu mới thay thế gỗ, kết hợp gỗ nhựa, gỗ kim loại,...

Tăng cường năng lực hệ thống nghiên cứu và khuyến lâm; đổi mới cơ chế, hình thức và phương pháp khuyến lâm; đẩy mạnh hợp tác quốc tế; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ vào sản xuất, phát triển hệ thống khuyến lâm; phát triển cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu và khuyến lâm; từng bước ứng dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến trong quản lý, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng và đa dạng sinh học.

4. Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực của ngành

Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực của ngành, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành lâm nghiệp; ưu tiên đào tạo nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đủ trình độ tiếp cận công nghệ hiện đại, để tạo những bước đột phá trong nghiên cứu, chọn, tạo và sản xuất giống, công nghệ sinh học, ứng dụng công nghệ cao trong lâm nghiệp để kịp thời giải quyết các vấn đề, thách thức của ngành.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý ngành lâm nghiệp chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả. Mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao công nghệ mới, chuyển giao kỹ thuật và quy trình sản xuất mới cho các cán bộ, hộ gia đình tham gia phát triển rừng.

5. Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đồng bộ, hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và dịch vụ logistics

Tổ chức lại vùng sản xuất tập trung theo định hướng phát triển các sản phẩm chủ lực phù hợp với lợi thế của từng vùng gắn với cơ giới hóa đồng bộ và kết nối

với khu chế biến lâm sản và dịch vụ thương mại; đẩy mạnh đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đồng bộ; phát triển các cụm liên kết chế biến gỗ gắn với vùng nguyên liệu rừng trồng theo vùng sinh thái; phát triển hệ thống đường lâm nghiệp gắn kết vùng nguyên liệu quy mô, tập trung với nhà máy chế biến; giảm chi phí vận chuyển, tăng giá trị sản phẩm gỗ.

Đẩy mạnh hiện đại hóa, cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ tại các vùng sản xuất lâm nghiệp hàng hóa tập trung. Xây dựng ngành công nghiệp chế biến gỗ hiện đại, hiệu quả, thân thiện với môi trường, gắn với xây dựng các khu công nghiệp quy mô lớn, doanh nghiệp lớn; phát triển công nghiệp phụ trợ để chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào phục vụ ngành công nghiệp chế biến gỗ. Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến gỗ và lâm sản, sử dụng phế phụ phẩm từ chế biến gỗ, sản xuất keo dán gỗ và phụ kiện cho công nghiệp chế biến gỗ.

Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường, đa dạng hóa thị trường nhất là phát triển các thị trường tiềm năng, thị trường mới nổi; xây dựng và phát triển thương hiệu gỗ Việt.

6. Nâng cao hiệu quả hoạt động, tổ chức sản xuất kinh doanh

Phát triển các hình thức liên kết giữa các thành phần kinh tế, kinh tế hợp tác, chia sẻ trong lâm nghiệp; phát triển sản xuất kinh doanh đa dạng, gắn rừng trồng với công nghiệp chế biến và thương mại lâm sản theo chuỗi giá trị.

Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đủ khả năng đầu tư theo chuỗi khép kín vào ngành lâm nghiệp và hỗ trợ, dẫn dắt người dân sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế, khai thác tốt tiềm năng thị trường từ các hiệp định, cam kết quốc tế

Tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế về lâm nghiệp, tham gia tích cực và hợp tác chặt chẽ với các tổ chức lâm nghiệp quốc tế, khu vực và song phương; tăng cường thu hút các nguồn vốn quốc tế, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), thương mại các-bon rừng; chủ động hợp tác trong nghiên cứu, giáo dục, đào tạo để tiếp cận khoa học và công nghệ lâm nghiệp tiên tiến, phát triển nguồn nhân lực cho ngành; trao đổi kinh nghiệm và triển khai các dự án hợp tác phát triển về lĩnh vực cơ giới hóa lâm nghiệp và chế biến lâm sản; tăng cường năng lực, triển khai các chương trình dự án, cơ chế, chính sách; tuyên truyền ngành lâm nghiệp.

Phát triển thị trường lâm sản, chủ động tham gia chuỗi cung lâm sản toàn cầu; hài hòa các quy định về lâm nghiệp của quốc gia với quốc tế; thực thi các hiệp định quốc tế song phương và đa phương như: Hiệp định đối tác tự nguyện về thực thi Luật Lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT); Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA),...

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả, trách nhiệm các thoả thuận đa phương, các cam kết quốc tế liên quan đến lâm nghiệp mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết tham gia.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng cục Lâm nghiệp

a) Vụ Kế hoạch, Tài chính

- Tổ chức triển khai hiệu quả Kế hoạch cơ cấu lại ngành Lâm nghiệp, định kỳ báo cáo Tổng cục về tiến độ và kết quả thực hiện.

- Rà soát xây dựng, tích hợp tiêu chí, chỉ số giám sát, đánh giá kế hoạch; tổ chức theo dõi, thúc đẩy, đôn đốc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch; rà soát, đề xuất bố trí và huy động kinh phí triển khai các hoạt động thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả.

b) Các đơn vị thuộc Tổng cục Lâm nghiệp

Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch, Tài chính tham mưu tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành Lâm nghiệp theo chuỗi và nâng cao giá trị gia tăng giai đoạn 2021-2025, đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

2. Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Tham mưu tổ chức triển khai hiệu quả kế hoạch cơ cấu lại ngành lâm nghiệp phù hợp với điều kiện của địa phương; nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách, giải pháp, huy động nguồn lực thực hiện Kế hoạch.

b) Xây dựng triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, dự án trọng điểm của ngành lâm nghiệp tại địa phương; ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực và các sản phẩm đặc sản của địa phương gắn với công nghiệp chế biến nông sản và thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

3. Chế độ báo cáo: Định kỳ các đơn vị thuộc Tổng cục Lâm nghiệp và Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ 6 tháng (trước ngày 10/6) và hàng năm (trước ngày 10/12) về Tổng cục Lâm nghiệp (Vụ Kế hoạch, Tài chính) theo đường văn phòng điện tử để tổng hợp báo cáo Bộ.

4. Căn cứ Kế hoạch này, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, các cơ quan, đơn vị liên quan chủ trì, phối hợp Tổng cục Lâm nghiệp triển khai kế hoạch đảm bảo thực hiện kịp thời, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế./.

Phụ lục

Phân công thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành lâm nghiệp theo chuỗi và nâng cao giá trị gia tăng giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TCLN-KHTC ngày / /2022 của Tổng cục Lâm nghiệp)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian
A	TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ, ĐỊNH HƯỚNG CƠ CẤU LẠI NGÀNH LÂM NGHIỆP			
I	THÚC ĐẨY, TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CƠ CẤU THEO NHÓM SẢN PHẨM CHỦ LỰC			
1	Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia			
a	Gỗ, sản phẩm từ gỗ; lâm sản ngoài gỗ	Vụ Phát triển sản xuất lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức có liên quan	2021-2025
b	Phát huy tối đa các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng; đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái; triển khai hiệu quả dịch vụ lưu giữ và hấp thụ CO2	Quỹ BV&PTR; Vụ Quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ; Vụ Kế hoạch, Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức có liên quan	2021-2025
2	Sản phẩm lâm nghiệp chủ lực cấp tỉnh; đặc sản địa phương	Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, TP	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức có liên quan	2021-2025
II	CƠ CẤU LẠI SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP THEO CHUỖI VÀ NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG			
1	Phát triển và nâng cao năng suất, chất lượng rừng	Vụ Phát triển rừng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức có liên quan	2021-2025
2	Nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm lâm nghiệp qua chế biến	Vụ Phát triển sản xuất lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức có liên quan	2021-2025
3	Phát triển liên kết, thị trường sản phẩm lâm nghiệp	Vụ Phát triển sản xuất lâm nghiệp; Vụ KH&HTQT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức có liên quan	2021-2025
4	Phát triển, nâng cao dịch vụ lâm nghiệp	Quỹ BV&PTR; Vụ Quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức có liên quan	2021-2025

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian
B	TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP			
I	TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH, HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC			
1	Tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành; Luật Lâm nghiệp 2017, các văn bản hướng dẫn thi hành luật Lâm nghiệp 2017	Các đơn vị được giao theo Quyết định số 3458/QĐ-BNN-TCLN ngày 03/8/2021; Văn bản số 1223/TCLN-KHTC ngày 09/9/2021	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức có liên quan	2021-2025
2	Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về lâm nghiệp; nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy, khuyến khích đầu tư, chính sách liên quan ngành lâm nghiệp			
3	Xây dựng, triển khai hiệu quả, chất lượng Chiến lược, Quy hoạch, Chương trình, các đề án, dự án, kế hoạch phát triển ngành lâm nghiệp			
4	Thực hiện thí điểm các mô hình sản xuất, dịch vụ lâm nghiệp để làm cơ sở tổng kết, đánh giá, xây dựng mới các cơ chế, chính sách về lâm nghiệp			
II	TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, NÂNG CAO NHẬN THỨC			
1	Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và các doanh nghiệp; tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng; cơ cấu lại ngành lâm nghiệp	Văn phòng Tổng cục	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức có liên quan	2021-2025
III	TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH LÂM NGHIỆP GẮN VỚI CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRỌNG ĐIỂM CỦA NGÀNH			
1	Phát triển, nâng cao trình độ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ và khuyến lâm	Các đơn vị được giao theo Quyết định số 3458/QĐ-BNN-TCLN ngày 03/8/2021; Văn bản số 1223/TCLN-KHTC ngày 09/9/2021	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức có liên quan	2021-2025
2	Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực của ngành			
3	Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đồng bộ, hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và dịch vụ logistics			
4	Nâng cao hiệu quả hoạt động, tổ chức sản xuất kinh doanh			
5	Tăng cường hợp tác quốc tế, khai thác tốt tiềm năng thị trường từ các hiệp định, cam kết quốc tế			

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian
IV	TỔ CHỨC THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH			
1	Rà soát xây dựng, tích hợp tiêu chí, chỉ số giám sát, đánh giá kế hoạch; tổ chức theo dõi, thúc đẩy, đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch; rà soát, đề xuất bố trí và huy động kinh phí triển khai các hoạt động thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả	Vụ Kế hoạch, Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức có liên quan	2021-2025
2	Theo dõi, tổng hợp, báo cáo đánh giá định kỳ thực hiện kế hoạch cơ cấu lại ngành lâm nghiệp	Vụ Kế hoạch, Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức có liên quan	2021-2025